

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 43 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,796.85 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng với đóng góp chủ yếu từ cổ phiếu VIC, theo sau là ngành Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả ba sàn, đặc biệt mua ròng hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Phiên tăng mạnh hôm nay thiếu sự ủng hộ từ thanh khoản, nhà đầu tư nên giữ tâm lý cẩn trọng trong tuần này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả hợp đồng tương lai đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/02/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+42.82** điểm, đóng cửa tại **1796.85** điểm. HNX-Index **+2.09** điểm, đóng cửa tại **255.86** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+15.87)**, **VPB (+2.97)**, **VCB (+2.84)**, **BID (+2.09)**, **MBB (+2.00)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-2.70)**, **GVR (-0.53)**, **PLX (-0.41)**, **BHN (-0.05)**, **HPA (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,096** tỷ đồng, tăng **1.99%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,110 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 35.96 điểm. Thị trường có **273** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **67** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **2089.24** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (1408.52 tỷ)**, **VPB (162.57 tỷ)**, **MWG (120.34 tỷ)**, **MSN (105.30 tỷ)**, **BID (92.97 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **51.44** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.33%**. Các mã diễn biến tích cực:
VPB (+6.39%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+4.17%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+4.13%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+2.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
EIB (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCH (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
GEX (+6.86%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.33%	2.18%	2.44%	2.53%
1 tuần	-1.79%	-3.55%	0.30%	0.64%
1 tháng	0.94%	0.17%	-4.29%	-3.81%
3 tháng	8.19%	-0.20%	10.14%	7.33%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,796.85	255.86	126.46
% 1D	2.44%	0.82%	0.37%
GTKL (tỷ VND)	24,096	1,266	362
%1D	1.99%	-21.22%	-65.41%
GDNN (tỷ VND)	2089.24	51.44	36.78

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	1,408.52	VCB	-168.50
VPB	162.57	FPT	-104.33
MWG	120.34	HPG	-95.75
MSN	105.30	PNJ	-46.29
BID	92.97	VIC	-42.46

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

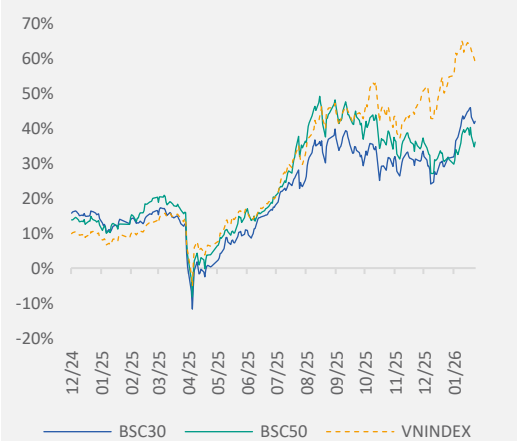
		%D	%W
SPX	6,942	-0.33%	0.35%
FTSE100	10,374	0.19%	-0.28%
Eurostoxx	6,026	-0.63%	0.63%
Shanghai	4,132	0.09%	0.73%
Nikkei	57,651	2.28%	5.35%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.96	0.23%
Giá vàng	5,054	-0.20%
Tỷ giá		
USD/VND	26,110	0.19%
EUR/VND	31,632	0.12%
JPY/VND	172	1.18%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	8.7%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	150.80	6.57%	15.87	7.73
VPB	28.30	6.39%	2.97	7.93
VCB	64.70	2.54%	2.84	8.36
BID	48.50	2.97%	2.09	7.02
MBB	29.00	4.13%	2.00	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	169.30	3.87%	0.73	0.20
HUT	16.50	5.10%	0.50	1.07
SHS	18.30	3.98%	0.37	0.90
CEO	19.30	4.89%	0.30	0.57
MBS	26.60	2.70%	0.27	0.66

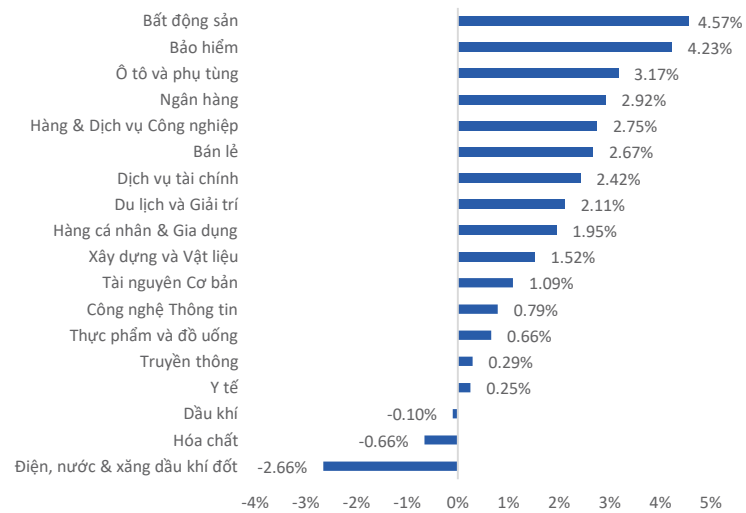
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
EIB	21.40	7.00%	0.58	236.95
BFC	56.60	6.99%	0.05	1.11
DLG	2.91	6.99%	0.01	2.09
TCH	16.10	6.98%	0.21	14.29
SVI	36.90	6.96%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VBC	22.20	9.90%	0.06	0.00
ATS	21.40	9.74%	0.03	0.00
VC6	22.60	9.71%	0.09	0.00
MAS	37.30	9.71%	0.06	0.00
PEN	8.30	9.21%	0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	102.00	-5.29%	-2.70	2.41
GVR	35.30	-1.81%	-0.53	4.00
PLX	51.70	-3.00%	-0.41	1.27
BHN	31.80	-3.49%	-0.05	0.23
HPA	43.50	-1.69%	-0.04	0.29

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	78.50	-4.27%	-1.69	0.90
PTI	31.90	-4.49%	-0.10	0.12
DTK	11.10	-0.89%	-0.04	0.68
HTC	37.60	-9.62%	-0.03	0.02
VMS	54.70	-9.88%	-0.03	0.01

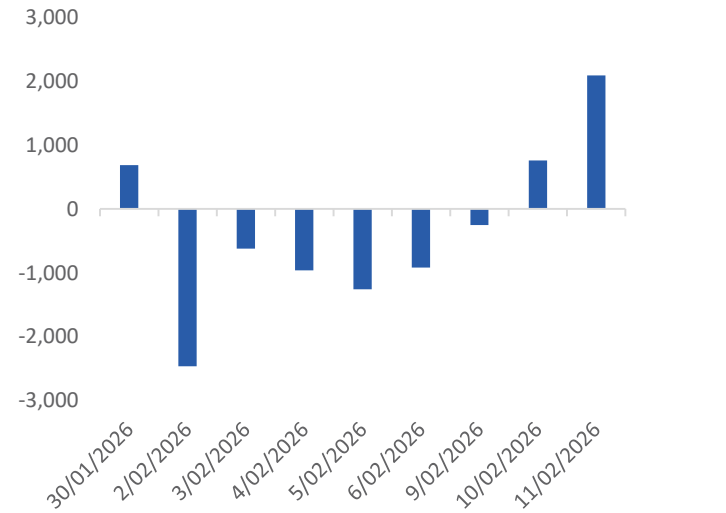
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	27.90	-7.00%	0.00	0.00
TCR	2.98	-6.88%	0.00	0.01
PIT	7.10	-6.58%	0.00	0.01
SMA	7.62	-6.50%	0.00	0.00
VRC	13.10	-5.42%	-0.01	1.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	54.70	-9.88%	-0.19	0.02
HTC	37.60	-9.62%	-0.23	0.15
VLA	8.30	-7.78%	-0.01	0.00
PTX	23.00	-7.63%	-0.04	0.00
KDM	30.00	-5.96%	-0.05	0.04

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	91.9	2.9%	1.1	134,948	1000.4	4,777	19.2	106,000	47.4%	Link
KBC	Bất động sản	34.2	0.6%	1.2	32,208	151.6	2,500	13.7	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	28.6	3.4%	1.1	32,039	287.4	943	30.3	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	17.9	3.5%	1.3	17,861	210.1	531	33.7	28,200	6.7%	Link
VHM	Bất động sản	103.0	1.7%	1.7	423,063	741.1	10,008	10.3	119,600	8.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	98.6	0.8%	0.7	167,966	643.3	5,511	17.9	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	23.5	1.5%	0.0	117,421	320.7	1,036		23,200	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	42.8	1.4%	1.4	21,889	313.0	3,560	12.0	42,800	16.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.4	2.6%	1.1	25,271	186.4	1,454	16.1		33.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.2	4.2%	1.0	77,722	703.4	2,027	15.4		32.5%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.6	2.3%	0.9	30,221	225.6	1,849	19.2		17.2%	Link
DCM	Hóa chất	39.5	1.3%	1.1	20,911	147.2	3,618	10.9	47,300	5.3%	Link
DGC	Hóa chất	68.5	0.7%	0.7	26,015	137.6	7,965	8.6	109,300	5.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.7	2.8%	0.8	121,482	526.0	3,042	7.8	28,400	27.5%	Link
CTG	Ngân hàng	37.9	2.2%	1.0	294,367	522.1	4,454	8.5	53,500	25.4%	Link
HDB	Ngân hàng	27.8	3.7%	1.2	139,147	1047.1	3,432	8.1	34,400	22.8%	Link
MBB	Ngân hàng	29.0	4.1%	1.0	233,595	3015.4	3,325	8.7	29,300	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	1.7%	1.0	37,440	185.7	1,804	6.7	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	61.1	2.7%	0.7	115,187	768.3	3,150	19.4		14.5%	Link
TCB	Ngân hàng	35.3	2.0%	1.1	250,144	387.8	3,577	9.9	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	3.3%	1.0	48,130	165.5	2,660	6.5	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	64.7	2.5%	0.7	540,612	727.5	4,210	15.4	73,200	20.9%	Link
VIB	Ngân hàng	17.0	2.7%	0.8	57,698	191.8	2,143	7.9	23,000	4.8%	Link
VPB	Ngân hàng	28.3	6.4%	1.2	224,530	786.6	3,024	9.4	36,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	1.1%	0.8	206,086	865.9	2,013	13.3	33,170	20.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	1.0%	0.9	9,687	44.5	1,012	15.4	19,800	4.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.7	1.0%	0.9	10,257	89.5	3,915	6.8	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.0	1.6%	1.0	112,781	459.2	2,710	28.8	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	69.1	1.0%	0.5	144,416	186.1	4,503	15.4	64,500	50.3%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	50.4	3.81%	1.2	11,147	183.9	2,494	20.2	22.5%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	167.0	1.21%	0.8	28,440	58.2	4,667	35.8	32.5%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	78.3	4.54%	1.2	58,124	80.0	3,996	19.6	27.1%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	16.2	5.21%	1.0	12,862	236.1	990	16.3	2.6%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	15.7	6.46%	1.1	17,409	572.4	229	68.5	21.8%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	21.5	3.86%	0.9	4,295	73.3	2,559	8.4	1.4%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	26.8	3.08%	1.3	9,915	47.1	1,907	14.1	19.3%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	46.5	2.65%	1.3	17,647	87.6	5,090	9.1	14.5%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	28.9	5.09%	1.1	14,019	103.9	1,805	16.0	42.1%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	58.6	1.91%	1.1	14,188	14.6	5,601	10.5	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	34.0	1.65%	1.0	6,111	35.0	1,917	17.7	5.5%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	16.1	6.98%	1.3	14,685	227.7	416	38.7	10.1%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	150.8	6.57%	1.4	1,162,069	823.9	1,739	86.7	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	29.4	1.55%	1.5	66,806	179.7	2,837	10.4	11.7%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	34.3	0.44%	1.0	7,989	9.5	1,700	20.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	51.7	-3.00%	0.8	65,690	390.8	2,122	24.4	15.2%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	32.6	0.46%	1.1	18,122	325.8	1,866	17.5	12.7%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.6	2.19%	1.0	11,296	20.2	1,161	28.1	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	2.70%	1.7	17,750	104.8	1,886	14.1	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	102.0	-5.29%	0.8	246,121	337.6	4,730	21.6	2.4%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	1.93%	0.9	40,496	130.3	836	15.8	4.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.8	2.15%	0.5	33,474	18.0	4,668	13.2	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	168.0	3.07%	0.6	99,391	335.7	3,728	45.1	6.6%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.9	6.86%	1.0	32,351	319.6	1,635	21.9	8.2%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.3	0.42%	0.8	30,409	93.3	3,986	17.9	38.8%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.8	2.48%	0.6	9,760	68.9	6,258	9.2	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.2	1.26%	0.8	9,469	47.1	2,210	9.1	10.8%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.7	0.19%	0.8	12,629	47.5	3,325	31.2	5.6%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	115.9	2.66%	0.7	39,539	316.7	8,353	13.9	47.8%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.3	0.00%	0.9	2,947	53.1	2,402	11.0	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.4	5.66%	1.4	2,884	60.1	3,163	7.1	18.0%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	25.3	0.60%	1.0	17,168	128.8	1,579	16.0	5.2%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	35.3	-1.81%	1.6	141,200	194.8	1,406	25.1	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	21.4	7.00%	1.0	39,862	4636.8	610	35.1	3.1%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	42.1	0.60%	0.8	125,615	53.6	3,824	11.0	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	0.71%	0.5	24,277	19.5	2,438	5.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.6	1.75%	0.9	30,891	30.2	1,513	7.7	19.7%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	1.36%	0.8	6,691	45.9	461	32.4	5.2%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.4	3.33%	1.0	7,029	34.8	3,754	7.0	3.4%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.7	0.80%	0.6	11,446	89.0	341	110.4	4.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.7	0.72%	0.7	62,461	35.5	3,449	14.1	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.0	0.00%	0.9	13,467	56.4	6,073	9.9	21.0%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.0	1.16%	0.1	12,852	10.2	15,010	10.5	83.8%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.7	3.25%	1.0	8,808	44.9	7,388	11.2	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.0	0.22%	1.1	10,638	31.5	5,244	17.7	5.2%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.6	2.87%	0.9	4,697	71.2	3,241	14.4	11.3%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	2.08%	1.1	6,703	29.6	1,203	10.2	10.2%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.5	4.29%	1.0	10,488	99.0	2,553	10.0	15.0%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.5	1.37%	1.0	11,927	58.6	6,084	3.0	3.0%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.2	0.00%	1.1	21,610	78.9	3,130	15.4	3.0%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>